

Đồng Nai, ngày 27 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CẢNG ĐỒNG NAI
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát và các báo cáo hàng quý của Ban Kiểm soát trong năm 2020.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động đã ban hành, Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2020 hai nội dung chính gồm: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và báo cáo của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020.

PHẦN I: BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với các nội dung:

- Thông qua đơn từ nhiệm của bà Lê Thị Bích Loan – Trưởng Ban Kiểm soát;
- Thông qua kế hoạch hoạt động, ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát, phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban Kiểm soát;
- Thông qua các ý kiến đánh giá kết luận của các thành viên Ban Kiểm soát trong các cuộc kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty theo kế hoạch hàng quý.



2. Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát:

Ngân sách hoạt động gồm:

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện
1.	Quỹ lương của TBKS chuyên trách	780.000.000	936.000.000
2.	Thù lao của TV.BKS	216.644.000	216.644.000
3.	Chi phí đi lại, lưu trú của TV.BKS	30.000.000	0
Cộng		1.026.644.000	1.152.644.000

Các khoản lợi ích khác: không có

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm:

3.1. Hoạt động chung

- Thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty năm 2020, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đối với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, đầu tư vốn vào các công ty liên kết; Quản lý tài chính; Việc phân phối và sử dụng các quỹ.

- Thẩm tra Báo cáo tài chính quý/năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đánh giá sự phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

- Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán.

- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban, các cuộc họp Hội đồng quản trị công ty.

- Tham gia các buổi hội thảo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ quy định.

3.2. Hoạt động kiểm tra giám sát

a) Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

- Hoạt động của Công ty trong năm tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Điều lệ công ty, chấp hành đúng các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Trong quý 2/2020, công ty đã thực hiện việc trích lập/ trích bổ sung các quỹ của năm 2019 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020. Như vậy, số dư các quỹ đến ngày 31/12/2020 như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển	:	255.820.526.541 đồng
+ Quỹ khen thưởng & phúc lợi của NLĐ	:	20.467.947.379 đồng
+ Quỹ thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	:	1.153.000.000 đồng
+ Quỹ thưởng người quản lý công ty	:	512.229.508 đồng
+ Quỹ công tác xã hội cộng đồng	:	2.319.542.609 đồng
+ LNST chưa phân phối		
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	:	37.498.440.263 đồng
LNST chưa phân phối kỳ này	:	95.677.176.643 đồng

Đồng thời, công ty đã thanh toán đầy đủ tiền cổ tức 2019 cho các cổ đông: lần 1 (tỷ lệ 15%) vào ngày 27/02/2020 và lần 2 (tỷ lệ 15%) vào ngày 10/07/2020; tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 (tỷ lệ 15%) vào ngày 30/3/2021.

- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán BCTC năm 2020.

b) Giám sát HĐQT & Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 03 cuộc họp định kỳ trực tiếp và 02 phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, quy trình và phù hợp với Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; góp phần giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến hoạt động của công ty thuộc phạm vi, trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT; đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 với tỷ lệ 15%/ vốn điều lệ.
- Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020;

- Thông qua quỹ lương người lao động và quỹ lương người quản lý năm 2019 và kế hoạch năm 2020;
- Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Long Thành và Công ty cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai;
- Thông qua các nội dung chi tiết và phân công nhân sự tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020;
- Công tác triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị năm 2020;
- Vay vốn đầu tư hạng mục công trình bến B5 tại Gò Dầu;
- Hợp tác đầu tư dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Tân Đức – Bình Thuận thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Sonadezi Bình Thuận.
- Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty;
- Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 với tỷ lệ 15%/ vốn điều lệ;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020;
- Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020;
- Tái ký hợp đồng vay vốn ngắn hạn tại Vietinbank, hợp đồng vay vốn tại Vietcombank và Shinhan Bank;
- Ký kết hợp đồng vay vốn 84 tỷ đồng với Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai;
- Thuê dịch vụ tư vấn FPT tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và sửa đổi/ bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế công bố thông tin.

Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị; chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc thẩm quyền; tổ chức các cuộc họp giao ban, điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh; hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

c) Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và họp giao ban.
- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban Kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.
- Đối với cổ đông: trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hay khiếu nại của cổ đông về tình hình hoạt động cũng như công tác quản trị công ty.

B. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

I. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Thẩm định báo cáo tài chính

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam thực hiện, Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất các vấn đề sau:

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH so KH
1.	Tổng doanh thu	Trđ	750.000	803.467	107,13%
2.	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	144.000	159.462	110,74%
3.	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Trđ	48.600	54.035	111,18%
4.	Đầu tư xây dựng cơ bản	Trđ	92.226	60.922	66,06%
5.	Cổ tức	%	30	35	116,67%

Năm 2020 là một năm đặc biệt khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng do nhiều yếu tố bất lợi như: dịch bệnh Covid-19, thiên tai, căng thẳng thương mại và các vấn đề chính trị quốc tế. Khó khăn với ngành vận tải đường biển và cảng biển nửa đầu năm 2020 không chỉ do khối lượng thương mại giảm mà còn bởi tình trạng thiếu nhân công và không thể đổi thủy thủ đoàn như thường lệ bởi các quy định hạn chế và cách ly đối với người nhập khẩu tại các nước. Dù vậy, tổng doanh thu của Công ty vẫn hoàn thành và vượt mức kế hoạch, đạt mức tăng trưởng 7,13%.

2. Tình hình thực hiện đầu tư, xây dựng cơ bản:

Các dự án tại khu vực Long Bình Tân:

- Dự án Cảng Đồng Nai (5,6 ha): từ năm 2003 đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng công trình như cầu tàu 5.000 DWT, nhà văn phòng, bãi container, ... Để mở rộng công suất, quy mô nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, năm 2019 và năm 2020, Công ty đã đầu tư hoàn thành cầu cảng số 2 mở rộng (nối cầu K2 và K3) + thiết bị cầu cố định 40T, nâng cấp bãi container Long Bình Tân với tổng giá trị khối lượng thực hiện là 41,111 tỷ đồng. Cuối năm 2020, Công ty đã lập hồ sơ đầu tư kéo dài cầu số 3, đang xin thủ tục đầu tư dự kiến khởi công năm 2021.

- Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 1 (3ha), giai đoạn 2A: về cơ bản đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng như bến sà lan 3.000T, cầu bờ cố định 40T/30m, hệ thống đường nội bộ, kho bãi, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng ... Trong năm 2019 và năm 2020, công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật như tường rào, bãi cấp phối đá dăm – bãi số 6, hệ thống mương thoát nước chung, triển khai xây dựng nhà kho số 5.

Các dự án tại khu vực Cảng Gò Dầu:

- Dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 1, giai đoạn 2, Cảng Gò Dầu A: Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật như bến bãi, cầu cảng, đường nội bộ, hệ thống PCCC, hệ thống điện nước... tiến độ đầu tư các hạng mục này căn cứ theo nhu cầu thực tế và tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm nhằm đem lại hiệu quả nhất cho công ty. Ngày 27/02/2021, Công ty đã khởi công dự án Bến tàu B5 30.000 DWT. Dự kiến sau khi hoàn thành vào cuối năm 2021, bến tàu B5 sẽ giúp cho khả năng xếp dỡ của Cảng Gò Dầu đạt từ 6 – 6,5 triệu tấn hàng hoá thông qua từ năm 2022.

- Hiện nay, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước, Hồ rửa xe; thực hiện công tác betong ximang, betong nhựa nóng cho các tuyến đường nội bộ của cảng, giải quyết vấn đề vệ sinh môi trường và tạo thuận lợi cho lưu thông nội bộ vào mùa mưa.

3. Tình hình mua sắm tài sản cố định:

Giá trị đầu tư, mua sắm tài sản cố định trong năm:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	:	16.351.645.157 đồng
+ Máy móc, thiết bị	:	17.340.066.593 đồng
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	:	4.460.751.395 đồng
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	308.919.180 đồng
+ Tài sản cố định hữu hình khác	:	2.866.599.736 đồng
+ Tài sản cố định vô hình	:	233.000.000 đồng
CỘNG	:	41.560.982.061 đồng

Trong năm, công ty có thanh lý một số tài sản hư hỏng đã khấu hao hết gồm:

STT	Tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị thanh lý chưa bao gồm VAT (đồng)
1.	Nhà văn phòng Gò Dầu A	324.259.200	9.090.909
2.	Nhà ăn tập thể Gò Dầu A	45.000.000	
3.	Nhà nghỉ tập thể Gò Dầu A	85.287.913	
TỔNG CỘNG		454.547.113	9.090.909

4. Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

- Trong năm 2020, công ty hợp tác đầu tư dự án Xây dựng và Kinh doanh hạ tầng KCN Tân Đức – Bình Thuận thông qua việc thành lập Công ty cổ phần Sonadezi Bình Thuận với giá trị vốn góp 40.400.000.000 đồng

- Tiền cổ tức trong năm nhận được:

STT	Tên đơn vị	Số CP	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị vốn góp	KH cổ tức năm 2020	Cổ tức năm 2019	Tiền cổ tức năm 2019
1	CTCP Cảng Long Thành	274.725	30%	1.665.000.000	40%	38%	1.043.955.000
2	CTCP Dịch vụ Cảng Đồng Nai	1.350.000	45%	13.500.000.000	10%	10%	1.350.000.000
3	CTCP Sonadezi Châu Đức	700.000	0,7%	7.000.000.000	10%	10%	700.000.000
4	CTCP Sonadezi Bình Thuận	4.040.000	10,1%	40.400.000.000			
	TỔNG CỘNG			62.565.000.000			3.093.955.000

II. Tình hình tài chính

1. Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020:

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, một số chỉ tiêu tài chính trên Bảng cân đối kế toán như sau:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020
TÀI SẢN			
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	301.482.630.909	341.514.234.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	214.800.418.767	172.560.103.394
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	60.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	85.443.854.959	107.793.959.984
IV. Hàng tồn kho	140	658.843.747	682.487.524
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	579.513.436	477.684.021
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	633.413.592.418	674.551.288.692
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	390.287.637.114	377.961.892.752
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	169.541.010.046	184.344.801.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	22.165.000.000	62.565.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	51.419.945.258	49.679.593.941
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	934.896.223.327	1.016.065.523.615
NGUỒN VỐN			
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	373.148.034.978	367.415.033.623
I. Nợ ngắn hạn	310	220.059.981.145	245.704.027.731
II. Nợ dài hạn	330	153.088.053.833	121.711.005.892
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	561.748.188.349	648.650.489.992
I. Vốn chủ sở hữu	410	561.748.188.349	648.650.489.992
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	185.219.540.000	185.219.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	74.434.806.545	74.434.806.545
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	192.035.741.508	255.820.526.541
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	110.058.100.296	133.175.616.906
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	28.113.109.345	37.498.440.263
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	81.944.990.951	95.677.176.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	934.896.223.327	1.016.065.523.615

2. Các chỉ số tài chính tại thời điểm 31/12/2020:

- Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty:

Hiệu quả sử dụng tài sản và quản lý vốn ngắn hạn:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN	
	2019	2020
Hiệu quả sử dụng tài sản		
ROE (%)	26,48%	26,35%
ROA (%)	15,33%	16,35%
Doanh thu/tổng tài sản (%)	83,24%	81,35%
Phân tích Dupont		
Lợi nhuận ròng biên (%)	18,42%	20,09%
Vòng quay tài sản (x)	0,83	0,81
Đòn bẩy tài chính (x)	1,73	1,61
ROE (%)	26,48%	26,35%
Quản lý vốn ngắn hạn		
Thanh toán hiện hành (x)	1,37	1,39
Thanh toán nhanh (x)	1,37	1,39
Ngày thu tiền bình quân (ngày)	39	43
Ngày trả tiền bình quân (ngày)	58	58

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2019 và năm 2020)

Cấu trúc vốn:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN	
	2019	2020
Cấu trúc vốn		
Nợ phải trả/tổng tài sản (%)	39,91%	36,16%
Nợ vay/Tổng tài sản (%)	21,21%	18,10%
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu (x)	1,66	1,57
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,32	0,34

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2019 và năm 2020)

- Đánh giá về tình hình tài chính của Công ty:

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty cơ bản thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng vốn hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Tình hình giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan của Công ty:

Trong năm 2020, giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch như sau:

STT	Tên TV HĐQT/ TV BKS/TGĐ tại Công ty niêm yết	Chức vụ tại Công ty niêm yết	Tên Công ty có giao dịch	Hợp đồng giao dịch	Chức vụ tại Công ty có giao dịch
1	Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	CTCP Sonadezi Long Bình	Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước tại Cảng Gò Dầu	Chủ tịch HĐQT
2	Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ, Giám đốc tài chính, Người đại diện CBTT	CTCP Cảng Long Thành	Hợp đồng sử dụng dịch vụ cảng	Chủ tịch HĐQT
3	Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	CTCP Dịch vụ Cảng Đồng Nai	- Hợp đồng vận chuyển hàng hóa/ container nội bộ trong Cảng Đồng Nai - Hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng container bằng đường bộ từ các Cảng/ICDs đến kho khách hàng và ngược lại	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	CTCP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai (Dologco)	- Hợp đồng cung ứng dịch vụ liên quan đến làm hàng container - Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa nội bộ từ cầu tàu vào kho Cảng Đồng Nai, vận chuyển hàng hóa bằng container từ các cảng/ ICDs đến kho khách hàng và ngược lại	Chủ tịch HĐQT
5	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	- Hợp đồng vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản - Hợp đồng vay vốn 84 tỷ đồng để đầu tư xây dựng bến tàu 30.000DWT (bến B5)	Giám đốc

PHẦN II: BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016 – 2020

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020:

- Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;
- Phân công trách nhiệm cho từng thành viên;
- Lập kế hoạch hoạt động và ngân sách hoạt động hàng năm;

- Thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý;
- Rà soát các quy chế, quy định ban hành tại Công ty;
- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế, quy định tại Công ty;
- Giám sát tình hình đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư vốn vào các công ty liên kết;
- Kiểm tra hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán hàng quý;
- Tham dự các cuộc họp giao ban của Công ty và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Tham gia các lớp đào tạo nhằm phục vụ công tác kiểm tra giám sát theo định hướng của Công ty.

II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2016 – 2020:

Nhận xét chung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 5 năm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	2015	2016	2017	2018	2019	2020
	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	322.426	421.917	517.500	666.518	741.538	793.588
<i>Tăng trưởng (%)</i>		30,86%	22,65%	28,80%	11,26%	7,02%
Giá vốn hàng bán	214.472	287.688	365.102	466.425	511.019	545.573
<i>(%) doanh thu</i>		68,19%	70,55%	69,98%	68,91%	68,75%
Chi phí bán hàng	13.133	12.339	15.473	14.699	20.021	19.812
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.948	37.494	38.672	44.389	46.045	45.090
Lợi nhuận trước thuế (tr.đồng)	54.010	71.438	85.014	124.107	151.694	176.989
<i>(%) doanh thu</i>		16,93%	16,43%	18,62%	20,46%	22,30%
<i>Tăng trưởng (%)</i>		32,27%	19,00%	45,98%	22,23%	16,67%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm: 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020)

- Hiệu quả sử dụng tài sản:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN				
	2016	2017	2018	2019	2020
ROE (%)	19,07%	19,31%	25,20%	26,48%	26,35%
ROA (%)	9,83%	9,69%	13,21%	15,33%	16,35%
Doanh thu/tổng tài sản bình quân (%)	61,25%	65,54%	78,78%	83,24%	81,35%
Phân tích Dupont					
Lợi nhuận ròng biên (%)	16,05%	14,78%	16,77%	18,42%	20,09%
Vòng quay tài sản (x)	0,61	0,66	0,79	0,83	0,81
Đòn bẩy tài chính (x)	1,94	1,99	1,91	1,73	1,61
ROE (%)	19,07%	19,31%	25,20%	26,48%	26,35%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020)

- Quản lý vốn, cấu trúc vốn:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN				
	2016	2017	2018	2019	2020
Quản lý vốn ngắn hạn					
Thanh toán hiện hành (x)	0,90	1,01	1,22	1,37	1,39
Thanh toán nhanh (x)	0,90	1,01	1,21	1,37	1,39
Ngày thu tiền bình quân (ngày)	46	43	38	39	43
Ngày trả tiền bình quân (ngày)	55	56	55	58	58
Cấu trúc vốn					
Nợ phải trả/tổng tài sản (%)	48,89%	50,65%	44,51%	39,91%	36,16%
Nợ vay/Tổng tài sản (%)	35,98%	34,36%	27,52%	21,21%	18,10%
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu (x)	1,96	2,03	1,80	1,66	1,57
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,22	0,29	0,28	0,32	0,34

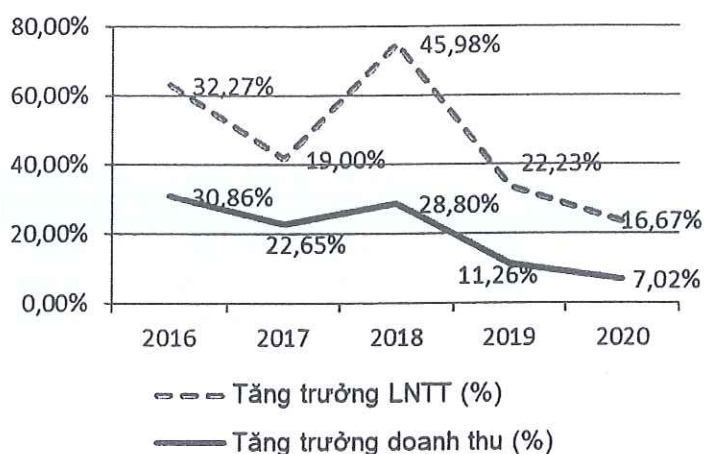
(Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020)

Qua số liệu trên cho thấy, trong nhiệm kỳ 2016 – 2020 mặc dù chịu nhiều tác động chung từ những khó khăn của nền kinh tế và tài chính của cả nước, đặc biệt là trong năm 2020 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 làm ảnh hưởng đến toàn cầu, gây ra những xáo trộn không lường và thiệt hại nặng nề đối với các mặt của đời sống xã hội và nền kinh tế, đặt cộng đồng doanh nghiệp đứng trước những thử thách khó khăn chưa từng có, Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai đều vượt kế hoạch do ĐHCĐ thường niên đề ra, duy trì tỷ lệ chia cổ tức ở mức cao, các chỉ tiêu tài chính ở mức tốt và an toàn.

Năm 2018 là năm đột phá về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận và là mốc đánh dấu đầu tiên Công ty đã vượt qua cột mốc 100 tỷ đồng về lợi nhuận.

Năm 2019, Công ty thuộc danh sách 200 doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD kinh doanh hiệu quả nhất Châu Á – Thái Bình Dương và đạt danh hiệu 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn.

Năm 2020, tốc độ tăng trưởng chậm lại so với các năm trước do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, nếu đặt trong bối cảnh nền kinh tế của năm thì sự tăng trưởng này đáng khích lệ với sự nỗ lực toàn tâm toàn lực của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty.



Giai đoạn 2016 – 2018: lợi nhuận trước thuế và doanh thu có tốc độ tăng trưởng cao do:

+ Các tài sản đầu tư trong năm 2015 đã phát huy hiệu quả, như: bến B4 30.000 DWT và 9,3 ha bãi tại khu vực Gò Dầu; bến 3.000 DWT, 2ha bãi container, 5.000m² kho tại khu vực Long Bình Tân.

+ Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh nhằm nâng cao năng lực khai thác hàng hoá, như: nâng cấp cầu cảng A3 (10.000 DWT) và B3 (15.000 DWT) lên 30.000 DWT nhằm tiếp nhận tàu có tải trọng lớn vào cảng, đầu tư 7ha bãi và cầu Macgregor 40T đáp ứng nhu cầu khách hàng lớn tại khu vực Gò Dầu. Tại khu vực Long Bình Tân: đầu tư mở rộng cầu cảng số 2 5.000 DWT thêm 50m chiều dài cùng với cầu Libherr 40T, đưa vào khai thác 5,5ha bãi container nâng cao khả năng cạnh tranh với các cảng và ICD trong khu vực.

Giai đoạn 2019 – 2020: tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế và doanh thu chậm lại so với giai đoạn 2016-2018 là do Công ty đã hoạt động gần hết công suất hạ tầng cầu cảng, kho bãi hiện hữu.

Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn doanh thu là do Công ty quản lý hiệu quả nguồn lực và tiết kiệm chi phí quản lý.

III. Nhận xét:

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ của Công ty và pháp luật quy định.

- Ban Kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà các cổ đông đã tin tưởng, nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.

- Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2020 có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và cũng nhờ sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng/ban và toàn thể CBCNV Công ty.

IV. Kiến nghị:

- Tốc độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty có xu hướng giảm là do Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai hiện nay đã hoạt động gần hết khả năng khai thác cầu bến, kho, bãi hiện hữu. Để tiếp tục nâng cao công suất cũng như việc duy trì tốc độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, Công ty cần tiếp tục đầu tư xây dựng thêm cầu cảng, kho bãi, thiết bị xếp dỡ - trung chuyển hàng hoá nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình phát triển nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Công ty.

- Thực hiện rà soát, cập nhật, theo dõi chi tiết tổng chi phí đầu tư xây dựng đối với từng hạng mục công trình.

- Tiếp tục công tác quản lý dự án đầu tư nhằm đảm bảo tiến độ, chi phí và chất lượng đối với các dự án đang triển khai thực hiện, các dự án mới như Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B, giai đoạn 3 để kịp thời vận hành đưa vào khai thác sử dụng.

Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trong suốt nhiệm kỳ vừa qua đã giúp Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc của mình.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Nguyễn Thị Thu Trang

Số: 170/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Lục Thị Vân****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Phan Hoài Nam**Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		341.514.234.923	301.482.630.909
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	172.560.103.394	214.800.418.767
1. Tiền	111		75.547.019.577	72.982.400.600
2. Các khoản tương đương tiền	112		97.013.083.817	141.818.018.167
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	60.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.793.959.984	85.443.854.959
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	105.161.558.735	84.608.828.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	3.681.128.196	2.575.500.582
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.293.182.755	714.061.752
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.341.909.702)	(2.454.535.833)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	682.487.524	658.843.747
1. Hàng tồn kho	141		682.487.524	658.843.747
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		477.684.021	579.513.436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	477.684.021	503.897.036
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	75.616.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		674.551.288.692	633.413.592.418
I. Tài sản cố định	220		377.961.892.752	390.287.637.114
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	373.724.492.324	385.602.599.608
Nguyên giá	222		768.969.677.745	728.096.242.797
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(395.245.185.421)	(342.493.643.189)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	4.237.400.428	4.685.037.506
Nguyên giá	228		7.025.674.168	6.792.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.788.273.740)	(2.107.636.662)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		184.344.801.999	169.541.010.046
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	184.344.801.999	169.541.010.046
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	62.565.000.000	22.165.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.400.000.000	7.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		49.679.593.941	51.419.945.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	49.679.593.941	51.419.945.258
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.016.065.523.615	934.896.223.327

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		367.415.033.623	373.148.034.978
I. Nợ ngắn hạn	310		245.704.027.731	220.059.981.145
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	85.304.422.211	90.978.646.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		410.294.693	292.496.002
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	8.569.096.718	5.298.286.688
4. Phải trả người lao động	314	4.14	22.816.200.000	20.155.380.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	2.014.959.143	3.345.454.854
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.973.736.648	1.973.695.572
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	4.982.769.629	1.990.622.420
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	82.429.829.193	68.361.152.958
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	12.750.000.000	11.730.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.19	24.452.719.496	15.934.246.092
II. Nợ dài hạn	330		121.711.005.892	153.088.053.833
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	20.189.590.242	23.201.590.222
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	101.521.415.650	129.886.463.611
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		648.650.489.992	561.748.188.349
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	648.650.489.992	561.748.188.349
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.219.540.000	185.219.540.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.219.540.000	185.219.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		255.820.526.541	192.035.741.508
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		133.175.616.906	110.058.100.296
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		37.498.440.263	28.113.109.345
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		95.677.176.643	81.944.990.951
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.016.065.523.615	934.896.223.327



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	793.587.701.756	741.538.252.149
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		793.587.701.756	741.538.252.149
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	545.573.366.700	511.019.097.547
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		248.014.335.056	230.519.154.602
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	9.417.062.796	6.001.040.273
6. Chi phí tài chính	22	5.4	15.937.410.445	19.719.125.354
Trong đó, chi phí lãi vay	23		15.769.583.509	19.710.482.931
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	19.812.022.057	20.020.904.391
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	45.090.105.370	46.044.975.743
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		176.591.859.980	150.735.189.387
10. Thu nhập khác	31		462.104.597	968.881.668
11. Chi phí khác	32		65.267.246	9.766.600
12. Lợi nhuận khác	40		396.837.351	959.115.068
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		176.988.697.331	151.694.304.455
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	17.526.735.688	15.119.319.537
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		159.461.961.643	136.574.984.918
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.4	7.541	6.456
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.5	7.541	6.456



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		176.988.697.331	151.694.304.455
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	53.886.726.423	52.094.852.571
Các khoản dự phòng	03		8.540.056.528	10.163.991.500
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	8.906.936	3.874.584
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.426.153.705)	(6.409.277.235)
Chi phí lãi vay	06	5.4	15.769.583.509	19.710.482.931
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		245.767.817.022	227.258.228.806
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.515.308.731)	(1.645.703.087)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.643.777)	(299.311.996)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.245.750.805)	9.995.428.003
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.766.564.332	543.848.150
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.876.424.348)	(17.858.902.191)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(16.479.721.926)	(12.121.103.530)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.975.000	16.680.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.486.299.596)	(6.792.269.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		185.918.207.171	199.096.894.347
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66.909.974.050)	(73.417.760.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.090.909	418.072.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(60.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(40.400.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.941.912.109	6.309.077.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(158.358.971.032)	(66.690.610.160)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	220.044.118.783	215.533.212.531
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(234.340.490.509)	(250.311.152.146)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(55.494.272.850)	(31.403.180.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(69.790.644.576)	(66.181.120.450)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(42.231.408.437)	66.225.163.737
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		214.800.418.767	148.579.129.614
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.906.936)	(3.874.584)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	172.560.103.394	214.800.418.767



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập